

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP Ở MỘT SỐ TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN KIM DUNG*

TÓM TẮT

Bài viết tập trung vào ba phần chính: (1) Cơ sở lý luận của công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập; (2) Thực trạng công tác kiểm tra đánh giá; và (3) Các kiến nghị nhằm cải tiến chất lượng kiểm tra đánh giá. Các ý kiến này dựa vào kết quả nghiên cứu của Đề tài cấp Bộ trọng điểm “Xây dựng các tiêu chí đánh giá chất lượng học tập học sinh trung học phổ thông” được thực hiện từ năm 2009 – 2011, với hơn 2800 cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và phụ huynh một số trường trung học phổ thông ở Thành phố Hồ Chí Minh được khảo sát.

Từ khóa: kiểm tra, đánh giá, chất lượng, kết quả học tập, trung học phổ thông.

ABSTRACT

The reality of testing and assessing students' performance in high schools in Ho Chi Minh City

The article focuses on three main parts: Theoretical framework of testing and assessing students' performance; the reality of testing and assessing and some recommendations for improvement. All data and recommendations presented are based on the findings of a Key Ministerial Project “Establishing criteria to assess high school students' performance” conducted from 2009 to 2011. The survey was carried out with more than 2800 subjects including high school managers, teachers, students and parents in Ho Chi Minh City.

Keywords: testing, assessing, quality, learning, high school.

1. Cơ sở lý luận

1.1. Đánh giá chất lượng giáo dục

Theo ý kiến của một số nhà nghiên cứu, trong giáo dục, chất lượng giáo dục với đặc trưng sản phẩm là “con người” có thể hiểu là kết quả (đầu ra) của toàn bộ hoạt động giáo dục, phản ánh mức độ đạt được các mục tiêu, yêu cầu giáo dục của từng cấp học, bậc học trong hệ thống giáo dục quốc dân. Trong đề tài này, chúng tôi định nghĩa **chất lượng giáo dục**

là đạt được mục tiêu đề ra từ các hoạt động giáo dục, kết quả có được theo một số chuẩn mực và đối chiếu với các tiêu chí hay mục tiêu giáo dục cụ thể nào đó. Chất lượng giáo dục, ở mức độ nào đó, có mối quan hệ chặt chẽ với một loạt các giả định, các giá trị làm cơ sở cho chương trình học và quá trình đi học. Goddard và Leaks cho rằng chỉ có một số giá trị là rõ ràng, vẫn còn nhiều giá trị là ẩn, một số có liên quan trực tiếp đến giảng dạy và một số khác có liên quan đến sự kiểm soát của xã hội và sự phát

* TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

triển của một hệ thống giáo dục. Các giá trị và niềm tin của xã hội, như các trường phái xã hội khác nhau diễn tả là những yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục. [4]

Đánh giá là một thuật ngữ chung bao gồm các quy trình đầy đủ dùng để thu thập thông tin về đối tượng được đánh giá và sự hình thành các phán đoán giá trị có liên quan đến sự tiến triển của đối tượng đó. **Đánh giá chất lượng giáo dục**, do đó, là quá trình thu thập thông tin về mức độ đạt được từ các hoạt động giáo dục, kết quả đạt được theo một số chuẩn mực và được đối chiếu với một số các tiêu chí hay mục tiêu giáo dục cụ thể của một hệ thống/đơn vị giáo dục nào đó.

1.2. Đánh giá chất lượng học tập của học sinh

Như đã đề cập, *việc học tập trong đề tài này được xem xét ở mức độ kiến thức và kỹ năng cũng như thái độ đạt được sau quá trình học tập tại các trường trung học phổ thông (THPT) so với mục tiêu được đề ra ngay từ đầu (chuẩn đầu ra) nhằm đáp ứng yêu cầu ở cấp độ quốc gia*. Đánh giá chất lượng học tập của học sinh bao gồm các quy trình đầy đủ dùng để thu thập thông tin về việc học của học sinh (chẳng hạn quan sát, xếp hạng, hay các bài kiểm tra viết), sự hình thành các phán đoán giá trị có liên quan đến sự tiến triển của việc học tập đối chiếu với mục tiêu đã đề ra ở các lĩnh vực *kiến thức và kỹ năng cũng như thái độ*. Tuy nhiên, do thái độ là một phạm trù rộng và khó đo lường trong một khoảng thời gian ngắn, nên đề tài chỉ tập trung vào các lĩnh vực kiến thức và kỹ năng mà học sinh có

được. *Vì vậy, khi nói về việc học tập của học sinh, đề tài này chỉ nhấn mạnh đến các lĩnh vực kiến thức và kỹ năng.*

Đánh giá chất lượng học tập của học sinh THPT có tầm quan trọng rất lớn vì nó có thể cung cấp cho chúng ta các chỉ số định lượng được so sánh với các mục tiêu học tập đã được đưa ra từ trước. Nó cung cấp cho chúng ta sự hiểu biết quan trọng và cần thiết trong công tác thiết kế và cải tiến chương trình. Ngoài ra, cách đánh giá này cũng giúp cho chúng ta có được các chỉ số quan trọng trong việc kết hợp việc học tập hiện tại với mục tiêu định sẵn trong tương lai của người học.

Một số định nghĩa khác có liên quan đến đánh giá là các khái niệm trắc nghiệm và đo lường. *Trắc nghiệm* (hay *kiểm tra*) là một dạng trong nhiều dạng đặc biệt của đánh giá. Một bài trắc nghiệm thường bao gồm tập hợp các câu hỏi được đặt ra cho tất cả các học viên làm trong một khoảng thời gian cố định với một số điều kiện tương đối nào đó. *Đo lường* là việc định các con số cho các kết quả của bài trắc nghiệm hoặc các dạng khác của đánh giá theo một quy luật cụ thể (ví dụ, đếm các câu trả lời đúng hay cho điểm các phần cụ thể của một bài luận văn). Trong đề tài này, các khái niệm trên sẽ được đề cập đến nhằm làm rõ các vấn đề có liên quan đến đánh giá chất lượng học tập của học sinh.

1.3. Các yêu cầu cơ bản của việc đánh giá kết quả học tập

Trong những năm cuối thế kỷ XX, có nhiều thay đổi lớn trong lĩnh vực đánh giá kết quả học tập và các phương pháp,

hình thức kiểm tra, trắc nghiệm. Nhiều quốc gia đưa ra các chuẩn mực mới nhằm khuyến khích sự chuyển đổi từ việc thông thạo các sự kiện đơn lẻ, ở mức độ tư duy thấp sang một chương trình học toàn diện nhấn mạnh đến các kỹ năng, tư duy bậc cao như phân tích, tổng hợp, đánh giá, giải quyết vấn đề, các nhiệm vụ kết hợp, những vấn đề có tính thực tế cuộc sống như sử dụng phương pháp hồ sơ và sự biểu diễn. Đánh giá chất lượng học tập của học sinh trở nên toàn diện và có tính xác thực hơn. Ví dụ, các tiêu chuẩn đánh giá sau đây thể hiện các phương pháp giải quyết vấn đề trong mục đích của họ:

- Học sinh phải được liên tục khuyến khích làm theo những gì mà họ có thể làm được trong việc học tập của mình đối chiếu với những gì không thể làm được.

- Các mục đích chủ yếu của đánh giá viết là cải tiến việc dạy và học.

- Học sinh cần phải nhận thấy rằng có những người đánh giá khác ngoài giáo viên mà họ phải chứng minh là mình đạt được kết quả học tập.

- Các nhà giáo dục cần phải xem xét đến những ảnh hưởng bên ngoài lên việc học tập khi đánh giá học sinh.

- Đánh giá cần phải công bằng và vô tư, có tính đến sự đa dạng của các nhóm học sinh theo địa phương và cả nước.

- Các kết quả của quá trình đánh giá là rất quan trọng và mỗi bài kiểm tra mà học sinh làm phải có một tập hợp các tiêu chí dùng để cho điểm.

Những yêu cầu sau đây thường được chú trọng khi đánh giá kết quả học tập của học sinh: Cách thức và phương pháp đánh giá phải:

- Chính xác;
- Rõ ràng;
- Khách quan;
- Giúp học sinh tập trung đến những nội dung cần thiết;
- Khuyến khích HS thể hiện năng lực của mình;
- Giúp HS hiểu những gì mình cần phải cải tiến;
- Giúp HS có động cơ học tập nhiều hơn;
- Được tổ chức nghiêm túc, tránh các hiện tượng tiêu cực;
- Giúp giáo viên chú trọng đến những điểm yếu của HS để giúp HS tiến bộ.

Ngoài ra, các yêu cầu dành cho giáo viên cũng được chú trọng như sử dụng nhiều loại đánh giá khác nhau (cải tiến, tổng kết, xác thực...), việc làm quen học sinh với nhiều dạng bài tập/kiểm tra khác nhau cũng được xem là cần thiết. Công tác tổ chức kiểm tra đánh giá (KTĐG) để đảm bảo tính chính xác, khách quan và công bằng cũng được quan tâm.

Với cách yêu cầu đánh giá kết quả học tập của học sinh được trình bày như trên, thực trạng KTĐG của Việt Nam hiện nay như thế nào. Kết quả khảo sát công tác KTĐG tại Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) được trình bày sau đây.

2. Thực trạng về công tác KTĐG bậc THPT

2.1. Mẫu nghiên cứu

Đề tài tiến hành chọn mẫu tại TPHCM gồm khoảng quận và huyện theo cách phân tầng theo địa bàn, mỗi địa bàn cũng tiếp tục được phân tầng theo: nội thành, ngoại thành và vùng sâu vùng xa, trong đó tổng số phiếu khảo sát và bài

kiểm tra phát ra để phân tích sẽ không kém hơn 5000 phiếu, dự tính có thể thu lại khoảng 3000 phiếu để đảm bảo tính chính xác, đáng tin cậy và khả thi. Tỷ lệ phản hồi của các phiếu khảo sát tại các trường THPT là 90,7% (2722/3000 phiếu phát ra), các nhà nghiên cứu giáo dục trên toàn quốc là 55% (110/200 phiếu phát ra) và các bài kiểm tra là 100% (toàn bộ kết quả kiểm tra của học sinh 3 trường, mỗi trường trên 1000 học sinh).

Như vậy, các trường tham gia khảo sát chủ yếu là trường mang tính đại diện cho các trường THPT. Tỷ lệ phân chia theo các đối tượng khảo sát của từng trường tuy không đồng đều nhưng vẫn bảo đảm tính khoa học và độ tin cậy của thông tin phản hồi. Do sự khác nhau về khả năng cung cấp thông tin của từng đối tượng nên tỷ lệ thu hồi thông tin trên mỗi

đối tượng không nhất thiết phải bằng nhau.

Số lượng mẫu khảo sát ở các trường phân chia cho các đối tượng gồm học sinh (HS), giáo viên (GV), phụ huynh (PH) và cán bộ quản lý (CBQL). Các trường được khảo sát gồm: THPT Trần Đại Nghĩa, TH Thực hành, THPT Bùi Thị Xuân, THPT Lê Thị Hồng Gấm, THPT Phan Đăng Lưu, THPT Mạc Đĩnh Chi, THPT Thanh Đa, THPT Lương Văn Can, THPT Phú Nhuận, THPT Thủ Đức và các đối tượng khác.

Sau khi khảo sát bằng phiếu hỏi, chúng tôi tiến hành phỏng vấn một số CBQL, GV, HS và PH.

2.2. Kết quả khảo sát

2.2.1. Đánh giá về đảm bảo các yêu cầu của KTĐG kết quả học tập của GV (xem bảng 1)

Bảng 1. Đánh giá về đảm bảo các yêu cầu của KTĐG kết quả học tập của GV hiện nay (HS: 1919, GV: 445, CBQL: 45, N=2409)

Cách thực hiện kiểm tra kết quả học tập của GV hiện nay	Rất đồng ý	Đồng ý	Không có ý kiến	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
1) Chính xác (đánh giá đúng năng lực HS)	14,4	41,5	32,0	9,2	2,9
2) Rõ ràng (giúp HS hiểu phải học và rèn luyện gì)	14,7	46,2	28,9	8,2	2,0
3) Khách quan (không thành kiến và không phân biệt)	17,3	40,7	30,7	8,5	2,8
4) Giúp HS tập trung đến những nội dung cần thiết	16,7	50,9	24,7	5,4	2,2
5) Khuyến khích HS thể hiện năng lực của mình	14,9	40,1	33,2	8,7	3,2
6) Giúp HS hiểu những gì mình cần phải cải tiến	15,3	45,2	30,3	7,2	2,0
7) Giúp HS có động cơ học tập nhiều hơn	14,7	38,8	33,8	9,4	3,2
8) Được tổ chức nghiêm túc, tránh các hiện tượng tiêu cực	20,5	41,8	28,5	6,5	2,8
9) Giúp GV chú trọng đến những điểm yếu của HS để giúp HS tiến bộ	19,4	42,0	29,4	6,1	3,1

Bảng 1 cho thấy phương pháp đánh giá kết quả học tập đối với HS của GV hiện nay được những người tham gia khảo sát đánh giá chưa cao ở các mặt sau đây: (1) chính xác (đánh giá đúng năng lực học sinh): có hơn 44% hoặc không đồng ý hoặc không rõ; (2) khách quan (không thành kiến và không phân biệt): có 42% hoặc không đồng ý hoặc không rõ; (3) khuyến khích học sinh thể hiện năng lực của mình: có 45% hoặc không đồng ý hoặc không rõ; (4) giúp học sinh có động cơ học tập nhiều hơn: có hơn 46% hoặc không đồng ý hoặc không rõ.

Những nội dung còn lại cũng chưa được đánh giá cao với tỉ lệ không đồng ý hoặc không rõ dao động từ 30 đến dưới 40%. Trong phần này, chúng tôi chỉ lấy ý kiến của CBQL, GV và HS vốn là những đối tượng có liên quan trực tiếp đến vấn đề này. Nhìn chung, HS còn đánh giá chưa cao cách thức và phương pháp đánh giá kết quả học tập của nhà trường và GV.

Để kiểm chứng cho đánh giá trên, đề tài có phần hỏi dành riêng cho đối

tượng HS và PH về hệ thống đánh giá kết quả học tập hiện nay trong nhà trường. Kết quả cho thấy vẫn có một tỉ lệ không nhỏ HS và PH tham gia khảo sát không có ý kiến hoặc không đồng ý về các ý kiến có liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập của HS như: (1) Về GV: GV trả bài thường xuyên, chấm bài công bằng và đánh giá HS chính xác, không thiên vị, phân tích lỗi để giúp HS cải tiến việc học tập; (2) Về thủ tục: “Các buổi kiểm tra/thi được tổ chức nghiêm túc”; “HS được làm quen với các dạng bài kiểm tra”; “Bài kiểm tra được trả cho HS trong vòng 2 tuần”; “PH được thông báo về kết quả học tập của con em thường xuyên”; (3) Sự minh bạch, rõ ràng về các mong đợi của nhà trường và GV đối với kết quả học tập của HS: “Bạn biết được cách GV đánh giá kết quả học tập” (55,4%), “Bạn biết được các mong đợi của nhà trường và GV về kết quả học tập” (48,1%), “Các bài kiểm tra thường khó hơn so với trình độ HS”.

2.2.2. Ý kiến của HS và PH về công tác đánh giá kết quả học tập

Bảng 3. Ý kiến của HS và PH về công tác đánh giá kết quả học tập hiện nay tại các trường THPT ở TPHCM (N=2232)

Ý kiến của HS và PH về công tác đánh giá kết quả học tập hiện nay	Rất đồng ý	Đồng ý	Không có ý kiến	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
1) GV kiểm tra bài thường xuyên	14,7	36,2	36,3	7,7	5,0
2) GV chấm bài công bằng	24,0	43,8	26,4	4,5	1,3
3) GV đánh giá HS chính xác	20,6	39,4	30,0	8,2	1,8
4) Các buổi kiểm tra/thi được tổ chức nghiêm túc	28,4	44,4	22,0	3,9	1,4
5) GV đánh giá HS không thiên vị	23,2	36,0	30,4	7,9	2,5
6) Các bài kiểm tra thường khó hơn so	11,9	25,5	40,2	17,3	5,1

với trình độ HS					
7) HS được làm quen với các dạng bài kiểm tra	18,1	47,5	25,9	6,6	1,9
8) Bài kiểm tra được trả cho HS trong vòng 2 tuần	16,8	40,7	27,8	11,9	2,8
9) Bạn biết được cách GV đánh giá kết quả học tập	13,0	31,6	43,5	9,7	2,2
10) PH được thông báo về kết quả học tập của con em thường xuyên	18,8	40,6	30,4	7,0	3,2
11) Bạn biết được các mong đợi của nhà trường và GV về kết quả học tập	14,2	37,7	41,1	4,7	2,3
12) Lỗi của câu trả lời trong bài kiểm tra được GV phân tích cho HS nhằm cải tiến chất lượng học tập	27,9	38,0	24,2	7,2	2,7

Nhìn chung, vẫn còn một tỉ lệ khá cao PH và HS chưa đánh giá cao công tác đánh giá kết quả học tập hiện nay, chủ yếu là do GV phụ trách. Chỉ có 44,6% đồng ý hoặc rất đồng ý với câu “HS biết được cách GV đánh giá kết quả học tập”, và đây là một thiếu sót của các trường THPT nói riêng cũng như hệ thống giáo dục Việt Nam nói chung mà đề tài này đang muốn khắc phục: Thông báo cho PH, HS và xã hội nói chung về các mong đợi của chương trình giáo dục, mà cụ thể là các chuẩn đầu ra, các thang mức độ (rubrics) mà HS cần đạt được.

Ngoài ra, qua các cuộc phỏng vấn với CBQL, GV, HS và PH, chúng tôi rút ra các kết luận sau đây về thực trạng công tác KTĐG ở bậc THPT như sau:

- Vấn đề nổi cộm hiện nay trong giáo dục phổ thông Việt Nam mà nhiều người đề cập là đổi mới chương trình và phương pháp giảng dạy. Tuy nhiên, theo chúng tôi, có thể thấy một vấn đề nữa cũng không kém phần quan trọng là

KTĐG. Một thực trạng mà khảo sát này cho thấy là nhà trường và thầy cô trong các trường phổ thông đang gây áp lực đối với HS bằng các đợt kiểm tra, thi giữa kì, cuối kì, thi tốt nghiệp. Cách KTĐG hiện nay được nhiều GV và HS cho là lạc hậu, thiếu khách quan, chưa chính xác và hơn nữa, đi ngược với mục tiêu của giáo dục phổ thông Việt Nam được xác định trong Luật Giáo dục là phát triển con người toàn diện.

- Các trường đang áp dụng phương châm “thi gì học đấy” và cách thức này, như đã đề cập ở trên, là làm trái đi mục tiêu giáo dục phổ thông Việt Nam. Khảo sát mà chúng tôi thực hiện cho thấy nhiều GV và HS đang trăn trở với câu hỏi “Tại sao phần lớn các trường và thầy cô dạy HS ganh đua mà không giáo dục sự cảm thông, chia sẻ, quan tâm đến người khác?”. Có thể nói vấn đề chạy theo thành tích làm cho giáo dục của chúng ta thiên về dạy kiến thức mà không chú trọng đến dạy HS “cách chung sống” và

“học để làm người”. Có thể nói sự chậm đổi mới trong KTĐG là một trong các nguyên nhân chính làm chậm đi sự đổi mới trong giáo dục phổ thông nói chung và chương trình nói riêng.

- KTĐG hiện nay mang tính áp đặt và không khuyến khích tính sáng tạo. Cách giáo dục và phương pháp KTĐG của các trường đang làm cho HS thiếu năng động, yếu kỹ năng mềm, kỹ năng sống, phát triển không đồng đều do thiếu sức khỏe và thời gian giải trí lành mạnh. Áp lực thi cử đè nặng lên các em, đặc biệt là ở những lớp cuối cấp. Chúng tôi sẽ lí giải cho thực trạng này thông qua các nghiên cứu như sau:

+ Các trường đang áp dụng đánh giá cuối cùng chứ không phải là đánh giá để cải tiến. Khoa học đánh giá cho thấy mục đích của KTĐG là để (1) phản hồi cho SV về cách học tập; (2) tạo động cơ và kích thích SV học tập; (3) Hỗ trợ và thúc đẩy việc học tập; (4) Phản hồi cho các GV (GV) ở các khóa sau và những người khác biết về kết quả học tập; (5) Cho điểm: Phân loại thành tích (sự tiến bộ của SV); và (6) đảm bảo chất lượng (theo các tiêu chuẩn trong trường và bên ngoài trường: đáng tin cậy, có giá trị và có thể lặp lại). Trong đó, mục đích chính của đánh giá phải là nhằm cải tiến việc học tập của HS, do đó, đánh giá phải tập trung vào quá trình và cải tiến hơn là đánh giá cuối cùng. Nhìn lại thực trạng của Việt Nam, có thể thấy là mục đích của KTĐG hiện nay chỉ chú trọng đến đánh giá cuối cùng và không thúc đẩy quá trình phát triển giáo dục của HS. Chúng tôi ví dụ như sau: HS hiện nay

được đánh giá theo các điểm số như: kiểm tra miệng, kiểm tra 15 phút, kiểm tra 1 tiết, kiểm tra giữa kì và kiểm tra học kì. Các điểm số này theo HS đến hết cả năm học, suốt cả bậc học cũng như ảnh hưởng rất nhiều đến việc HS có được tiếp tục học lên. Ở một mặt nào đó, cách tính điểm này có ưu điểm là làm cho HS lúc nào cũng phải trong trạng thái chuẩn bị sẵn sàng và có trách nhiệm với việc học của mình. Tuy nhiên, ở một góc độ khác quan trọng hơn, áp lực KTĐG làm cho HS không tìm thấy sự hứng thú trong việc học, không thấy được động cơ tích cực của KTĐG là chứng tỏ năng lực và cải tiến việc học của mình. Ngoài ra, vai trò của các GV bị xem nhẹ, do đó, các GV không nỗ lực và có các biện pháp cải tiến chất lượng học tập thực sự cho HS mà chỉ tập trung vào việc cải tiến các điểm số. Thêm vào đó, các phương pháp kiểm tra nhằm cải tiến chất lượng học tập như dự án, giải quyết vấn đề, các bài trình diễn, quan sát, không được các GV sử dụng.

+ Phương pháp KTĐG hiện nay rất nghèo nàn và phiến diện. Có nhiều phương pháp đánh giá kết quả học tập: quan sát, phỏng vấn/hỏi đáp, dự án và các bài tập, bài kiểm tra, các bài trình diễn và triển lãm/trung bày, ghi/quay video, thực nghiệm, hồ sơ và sổ theo dõi... Các bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan được dùng khi cần so sánh, xếp hạng HS và chỉ kiểm tra các năng lực nhận thức bậc thấp, nếu được sử dụng, cũng nên hạn chế do đây chỉ là một trong các phương pháp KTĐG. Tuy nhiên, hiện nay, Việt Nam đang lạm dụng cách kiểm tra này và

chúng ta cũng chưa có các nghiên cứu để đánh giá mức độ hiệu quả của các dạng bài kiểm tra này dù dư luận trong giới chuyên môn cho rằng từ khi áp dụng các kì thi với phương pháp trắc nghiệm khách quan, chất lượng đầu vào của HS và chất lượng học tập của các trường là giảm sút rõ rệt.

+ Đánh giá phải được tích hợp và có tương quan với chương trình và việc thực hiện chương trình. Do chương trình và việc thực hiện của chúng ta quá thiên về dạy chữ nên KTĐG hiện nay cũng chỉ tập trung vào việc kiểm tra năng lực nhận thức bậc thấp.

3. Các kiến nghị nhằm cải tiến chất lượng KTĐG

Từ thực trạng nêu trên, chúng tôi đưa ra các kiến nghị sau đây nhằm cải tiến chất lượng KTĐG:

(i) Cần chú ý đến mối liên hệ giữa việc thiết kế chương trình học với việc đánh giá kết quả học tập. Cần minh bạch và công khai về chuẩn đầu ra của các trường. Không nên quá chú trọng thành tích mà cần đánh giá GV bằng cách kiểm tra những HS của GV đó nắm được những kiến thức gì, làm được gì trong thực tế. Bộ Giáo dục và Đào tạo cần khuyến khích các trường xây dựng các tiêu chí và thang đánh giá theo dạng rubrics. Có thể học tập các nước về cách thức xây dựng các tiêu chí và thang mức độ này. Phải xem trọng các vấn đề như thời gian và chất lượng cũng như khối lượng học tập thích hợp với tâm sinh lí HS, có các kế hoạch giảng dạy và học tập khoa học, hợp lí.

(ii) Sử dụng nhiều dạng đánh giá như tự luận, thực tập, trình bày miệng, dự án, làm việc nhóm và phản ánh hay phản biện cũng như các phương pháp đánh giá khác nhau như tự đánh giá và đánh giá của bạn cùng lớp và chú trọng đến tính giá trị, đáng tin cậy và nhất quán của đánh giá.

(iii) Cần có cơ chế và các biện pháp khuyến khích HS có trách nhiệm với việc học tập của mình, hiểu đầy đủ quy trình học tập và phát huy tính sáng tạo, tích cực, tham gia vào quá trình học tập tại trường hơn là đối phó như hiện nay. Đây là việc đòi hỏi lãnh đạo và quản lí các trường phải có tính chủ động và sáng tạo để có thể giáo dục tính sáng tạo, chủ động cho HS.

(iv) Bộ Giáo dục và Đào tạo nên trao cho các trường nhiều quyền tự chủ hơn nữa trong các vấn đề chuyên môn, đừng quá chú trọng đến công tác tuyển sinh hay KTĐG mà nên nắm lấy việc định hướng sứ mạng và mục tiêu giáo dục và giám sát việc các trường thực hiện các chiến lược giáo dục có tính vĩ mô. Việc Bộ bao cấp toàn bộ quy trình thực hiện làm cho hệ thống giáo dục của chúng ta cứ bị trói buộc trong một vòng lẩn quẩn: Bộ không có thời gian cho những vấn đề chung và lớn hơn còn các trường lại bị phụ thuộc nhiều hơn và thiếu tính sáng tạo rất nhiều trong các chương trình hành động của mình. Với cơ chế còn nặng tính tập trung như hiện nay, chúng ta khó có thể đào tạo những công dân đáp ứng được yêu cầu của thực tế xã hội và phù hợp với quá trình hội nhập thế giới như chúng ta mong muốn.

(v) Cần phát huy chủ trương xã hội hoá giáo dục bằng cách tạo điều kiện và khuyến khích sự ra đời của các tổ chức nghiên cứu và đánh giá giáo dục độc lập. Có thể tham khảo kinh nghiệm và mô hình của các nước và áp dụng thích hợp cho Việt Nam. Cục Khảo thí và Kiểm định Chất lượng nên làm vai trò giám sát nhà nước trong vấn đề đảm bảo chất lượng và kiểm định. Các vấn đề chuyên môn nên giao khoán cho các tổ chức

chuyên nghiệp thông qua các hình thức đấu thầu, dự án. Việt Nam có thể tổ chức các kì thi quốc gia để lấy điểm vào đại học theo dạng ETS hay ACT của Hoa Kỳ hoặc CER của Australia. Các trường được quyền tuyển chọn HS theo cách của mình nhưng buộc phải minh bạch, rõ ràng và chịu sự giám sát, đánh giá chất lượng và kiểm định của Nhà nước thông qua các tổ chức đánh giá độc lập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Quy định số 72/2007/QĐ-BGDĐT về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình giáo dục ngành Giáo dục Tiểu học trình độ cao đẳng*, ban hành ngày 30 tháng 11 năm 2007.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quy định số 03/2008/QĐ-BGDĐT về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông trình độ đại học*, ban hành ngày 04 tháng 02 năm 2008.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng môn Văn, Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tiếng Anh, Lịch sử, Địa lí, Công nghệ, Giáo dục Công dân, Tin học, Thể dục bậc trung học phổ thông*, ban hành tháng 11 năm 2009.
4. Goddard, D., Leaks, M. (1992), *The Search for Quality: Planning Improvement and Managing Change*, London: Paul Chapman.
5. Quốc hội Khóa XII (2009), *Luật sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục 2005*.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 21-9-2011; ngày phản biện đánh giá: 10-11-2011; ngày chấp nhận đăng: 27-8-2012)